

Số: *24* /2017/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày *07* tháng *7* năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 28/8/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2015 của UBND thành phố Đà Nẵng về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

1. Bổ sung Khoản 3b vào Khoản 3, Điều 1 như sau:

“3b. Mức chi hỗ trợ tiền ăn đối với đối tượng trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng và trẻ khuyết tật quy định tại nhóm 1 và nhóm 6 Phụ lục số 01 Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2015 của UBND thành phố Đà Nẵng về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, có hộ khẩu tại thành phố Đà Nẵng được tiếp nhận vào nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập theo đúng thủ tục hiện hành (theo Phụ lục số 04 kèm theo Quyết định này)”.

2. Sửa đổi Điểm a Khoản 1 Điều 3 như sau:

“a) Hướng dẫn, kiểm tra và giám sát các quận, huyện và các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập tổ chức quản lý, thực hiện chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn.”

3. Bổ sung Khoản 3 Điều 3 như sau:

“3. Các Hội, đơn vị chủ quản cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập có trách nhiệm:

a) Hằng năm, tại thời điểm lập dự toán chi ngân sách địa phương, các Hội, đơn vị chủ quản cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập chủ trì, lập dự toán kinh phí chi hỗ trợ tiền ăn theo quy định tại Điều 1, tổng hợp vào dự toán chung của các đơn vị, gửi cơ quan Tài chính cùng cấp tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định hiện hành về lập dự toán ngân sách nhà nước. Đồng thời gửi dự toán về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi, phối hợp thực hiện.”

b) Thực hiện hỗ trợ tiền ăn đúng đối tượng, đúng chế độ và quyết toán nguồn kinh phí theo quy định hiện hành của Nhà nước”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17. tháng 7 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Lao động-TB&XH;
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT Thành ủy, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể;
- Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng;
- UBND các quận, huyện;
- Các Hội chủ quản, cơ sở nuôi dưỡng trẻ em;
- Báo Đà Nẵng, Đài PT-TH Đà Nẵng;
- Cổng thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT, KGVX, SLĐTBXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Việt Dũng

Phụ lục số 04

**QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ TIỀN ĂN ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG TRẺ EM
TẠI CÁC CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI NGOÀI CÔNG LẬP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 24 /2017/QĐ-UBND ngày 07 / 7 /2017
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)



TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Hệ số	Mức trợ cấp (đồng)
1	2	3	4	5
	Tiền ăn đối với trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng và trẻ khuyết tật, có hộ khẩu tại thành phố Đà Nẵng			
1	Trẻ em dưới 04 tuổi	Người	5,0	1.350.000/người/tháng
2	Trẻ em từ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi	Người	4,0	1.080.000/người/tháng

Handwritten signature/initials